

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.229
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Lạc Tây
Địa chỉ / address: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,19	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,41	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,55	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,11	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thành Đức

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.230
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Nguyễn Văn Lắm, ấp An Hòa)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Lạc Tây
Địa chỉ / address: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,19	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,39	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,34	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,10	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.231
Tên mẫu / Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hệ Hồ Văn Vững, ấp An Thạnh)
Khách hàng / Client: Trạm cấp nước An Lạc Tây
Địa chỉ / address: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu / Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,19	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,37	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,09	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.232
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Lạc Thôn
Địa chỉ / address: thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,69	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,38	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,15	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.233
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Nguyễn Văn Ngoan, ấp An Ninh)
Khách hàng /Client : Trạm cấp nước An Lạc Thôn
Địa chỉ / address : thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,69	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,36	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,14	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.234
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Lê Kim Bé, An Ninh 2)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Lạc Thôn
Địa chỉ / address: thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,69	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,34	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,13	0,3	SMEWW 350C-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.223
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Mỹ
Địa chỉ / address: xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,85	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,58	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,16	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
 - TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
 - Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
 - Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.
- Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.224
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Đặng Văn Hùng, ấp Trường Phú)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Mỹ
Địa chỉ / address: xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,83	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,37	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,15	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
 - TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
 - Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám. Đốc/
 - Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.
- Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.225
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Trần Hoàng Huỳnh, ấp 3)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Mỹ
Địa chỉ / address: xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,81	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,14	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
 - TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
 - Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
 - Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.
- Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.220
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Ba Trinh
Địa chỉ / address: xã Ba Trinh, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,26	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,57	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,58	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,12	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.221
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Trương Văn Đáng, ấp 8)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Ba Trinh
Địa chỉ / address: xã Ba Trinh, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,26	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,55	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,37	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,11	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.222
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Nguyễn Văn Phúc, ấp 6)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Ba Trinh
Địa chỉ / address: xã Ba Trinh, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,26	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,53	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CLO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-?:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,10	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.244
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Cồn Mỹ Phước
Địa chỉ / address: xã Nhơn Mỹ, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,04	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,35	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,63	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,18	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

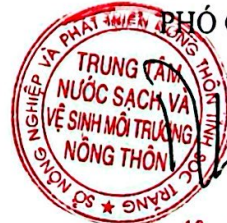
Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.245
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Ngô Minh Liệt, ấp Mỹ Phước)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Cồn Mỹ Phước
Địa chỉ / address: xã Nhơn Mỹ, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,04	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,33	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,42	0,2-1,0	SMEWW 4500-CLO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,17	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

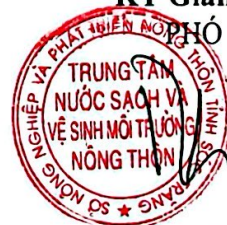
Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.246
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn- Hộ Trần Minh Thiện, ấp Mỹ Phước)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Cồn Mỹ Phước
Địa chỉ / address: xã Nhơn Mỹ, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,04	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,31	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,22	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,16	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.250
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Đại Hải
Địa chỉ / address: xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,96	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,15	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,55	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,10	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Đức

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.251
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Lê Đình Nhã, ấp Đông Hải)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Đại Hải
Địa chỉ / address: xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,96	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,13	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,35	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,09	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.252
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Đặng Văn O, ấp Đông Hải)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Đại Hải
Địa chỉ / address: xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,96	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,11	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,08	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.256
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Tập Rèn
Địa chỉ / address: xã Thới An hội, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,7	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,35	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,63	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,14	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.257
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Tập Rèn
Địa chỉ / address: xã Thới An hội, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,7	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,33	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,42	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,13	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.258
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Tập Rèn
Địa chỉ / address: xã Thới An hội, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,7	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,31	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,22	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,12	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày: 25/11/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.238
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Kế An
Địa chỉ / address: xã Kế An, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,61	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,46	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,58	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,15	0,3	SMEWW 350C-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.239
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Nguyễn Văn Tường, ấp Xóm Chài)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Kế An
Địa chỉ / address: xã Kế An, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,61	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,44	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,37	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,14	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được
và nước thải

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.240
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Nguyễn Văn Phúc, ấp Cầu Chùa)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Kế An
Địa chỉ / address: xã Kế An, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,0	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,61	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,42	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,13	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.226
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Nhơn Mỹ
Địa chỉ / address: xã Nhơn Mỹ, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,35	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,33	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,56	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,13	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.227
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Hồ Thị Năm, ấp Mỹ Lợi)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Nhơn Mỹ
Địa chỉ / address: xã Nhơn Mỹ, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,35	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,31	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,35	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,12	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.228
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Lê Thị Xuân, ấp Mỹ Tân)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Nhon Mỹ
Địa chỉ / address: xã Nhon Mỹ, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,35	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,29	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CLO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,11	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đức

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.247
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC Đại Hải
Địa chỉ / address: xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysic : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả <i>Test Result</i>	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp <i>Test Method</i>
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,19	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,18	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,58	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,20	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / *Methods Accredited by VILAS*

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / *Analysed by Subcontract*

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

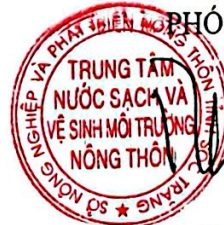
Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.248
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Lê Thanh Hải, ấp Mang Cá)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC Đại Hải
Địa chỉ / address: xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,19	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,16	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,35	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,19	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.249
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn–Hộ Ngô Hoài Thương, ấp Mang Cá)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC Đại Hải
Địa chỉ / address: xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	5,19	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,13	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,18	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.217
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thới An Hội
Địa chỉ / address: xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,30	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,41	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,57	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,10	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.218
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Đoàn Thị Mỹ Lan, ấp Ninh Thới)
Khách hàng /Client : Trạm cấp nước Thới An Hội
Địa chỉ / address : xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue : 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,30	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,39	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,36	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,09	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.219
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hệ Huỳnh Văn Tịnh, ấp Ninh Thới)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thới An Hội
Địa chỉ / address: xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,30	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,37	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,08	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.241
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Trinh Phú
Địa chỉ / address: xã Trinh Phú, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,26	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,08	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,57	0,2-1,0	SMEWW 4500-CLO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,10	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thành Được

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.242
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Bùi Văn Phú, ấp 1)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Trinh Phú
Địa chỉ / address: xã Trinh Phú, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,26	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,06	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,35	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,09	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.243
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hệ Cao Văn Tiến, ấp 8)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Trinh Phú
Địa chỉ / address: xã Trinh Phú, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,8	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,26	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	1,04	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,08	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.253
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Xuân Hòa - An Lạc Tây
Địa chỉ / address: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,28	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,39	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,60	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,23	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.254
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Nguyễn Văn Thái, ấp 7 Ba Trinh)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Xuân Hòa - An Lạc Tây
Địa chỉ / address: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,28	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,37	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,38	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,22	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.255
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hệ Lê Văn Nhiều, ấp 7 Ba Trinh)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Xuân Hòa - An Lạc Tây
Địa chỉ / address: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,28	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,35	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,22	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,21	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

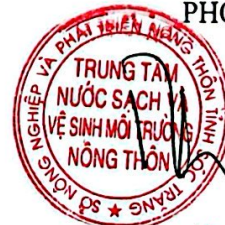
Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.235
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Xuân Hòa
Địa chỉ / address: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysic: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,29	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,36	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,62	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,15	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Đạt

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.236
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng-Hộ Nguyễn Văn Non, ấp Hòa Lộc 1)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Xuân Hòa
Địa chỉ / address: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,29	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,34	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,14	0,3	SMEWW 3500-I e-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.11.237
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn-Hộ Nguyễn Thị Hồng Đoàn, ấp Hòa An)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Xuân Hòa
Địa chỉ / address: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 18/11/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 25/11/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,29	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,32	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,22	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,13	0,3	SMEWW 3500-Fe-B:2012 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

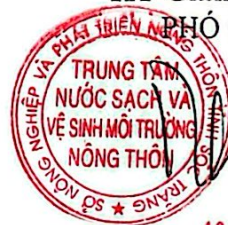
Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 25/11/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Được

BM.06.07 – LBH : 03